UBND TỈNH HÀ TĨNH **SỞ TƯ PHÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2113 /TC-STP	*Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 8 năm 2026*

THÔNG CÁO BÁO CHÍ
Văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành

Thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012, Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án *"Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân"*, Kế hoạch số 376/KH-UBND ngày 07/10/2022 của UBND tỉnh về triển khai Đề án *"Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân"* trên địa bàn tỉnh và Văn bản số 168/UBND-NC_3 ngày 09/01/2025 của UBND tỉnh về việc xây dựng Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành; trên cơ sở đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Văn bản số 2510/SVHTTDL-$QLVH_4$ ngày 10/8/2026, Sở Tư pháp ban hành Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành như sau:

1. Tên văn bản quy phạm pháp luật

Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 15/7/2026 ban hành Quy định về quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội, tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội; tu bổ, phục hồi di tích trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh *(Sau đây gọi tắt là Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND)*.

2. Hiệu lực thi hành

Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/7/2026.

3. Sự cần thiết, mục đích ban hành

3.1. Sự cần thiết ban hành văn bản

a) Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15;

- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

- Luật Tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14;

- Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội;

- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo;

- Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28/11/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa;

- Thông tư số 04/2023/TT-BTC ngày 19/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội.

b) Cơ sở thực tiễn

Thời gian qua, việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo quy định; góp phần huy động nguồn lực xã hội cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích. Tuy nhiên, việc quản lý, sử dụng nguồn tiền công đức còn một số bất cập, chưa hình thành cơ chế điều tiết hợp lý giữa các di tích có nguồn thu lớn với các di tích có nguồn thu hạn chế để tạo nguồn kinh phí tu bổ, phục hồi di tích.

Trước yêu cầu tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội, cần ban hành quy định cụ thể, thống nhất nhằm bảo đảm nguồn lực được phân bổ hợp lý, đúng mục đích, công khai, minh bạch, góp phần hỗ trợ kinh phí tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích trên địa bàn tỉnh.

Do đó, việc ban hành Quyết định quy định về quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội, tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội; tu bổ, phục hồi di tích trên địa bàn tỉnh là cần thiết, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

3.2. Mục đích ban hành văn bản

Việc ban hành Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND nhằm tạo lập cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ cho việc quản lý, thu chi tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội trên địa bàn tỉnh; bảo đảm tính công khai, minh bạch trong tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn thu; đồng thời nâng cao hiệu quả huy động, quản lý và sử dụng nguồn lực xã hội hóa phục vụ bảo tồn, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích, góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực di sản văn hóa.

4. Nội dung chủ yếu

4.1. Bố cục của Quyết định

Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND gồm 03 Điều, cụ thể:

- Điều 1: Quy định về ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội, tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội; tu bổ, phục hồi di tích trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

- Điều 2: Quy định về hiệu lực thi hành của Quyết định;

- Điều 3: Quy định về trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định.

4.2. Nội dung chủ yếu của Quy định về quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội, tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội; tu bổ, phục hồi di tích trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

- Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội; tu bổ, phục hồi di tích trên địa bàn tỉnh theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 13, điểm d khoản 2 Điều 14, khoản 1 Điều 16 và khoản 1 Điều 18 Thông tư số 04/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Các nội dung liên quan về quản lý thu, chi tài chính và việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội không được quy định tại Quy định này thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 04/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Đối tượng áp dụng: Tổ chức, đơn vị tổ chức lễ hội (Bao gồm: Lễ hội do cơ quan nhà nước tổ chức và lễ hội không phải do cơ quan nhà nước tổ chức); Tổ chức, đơn vị là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý, sử dụng di tích (Bao gồm: Đơn vị sự nghiệp công lập và Ban quản lý di tích kiêm nhiệm); Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, thu chi tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội; tu bổ, phục hồi di tích trên địa bàn tỉnh.

- Nội dung chính: Quy định về quản lý, thu chi tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội (Bao gồm: Các hình thức công đức, tài trợ cho di tích; Tiếp nhận công đức, tài trợ; Quy định về hòm công đức, phiếu ghi công đức; Quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ đối với di tích do đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, sử dụng; Quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ đối với di tích do Ban quản lý di tích kiêm nhiệm quản lý, sử dụng); Quản lý và sử dụng kinh phí tu bổ, phục hồi di tích (Bao gồm: Trích nộp kinh phí; Phân bổ kinh phí hỗ trợ tu bổ, phục hồi di tích; Kiểm tra, giám sát đối với hoạt động tu bổ, phục hồi di tích); Trách nhiệm tổ chức thực hiện của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

(Chi tiết các nội dung tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND được gửi kèm theo)

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành, Sở Tư pháp thông báo để các cơ quan, tổ chức, cá nhân được biết./.

Nơi nhận:
- Các Ban của Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Các Ban của HĐND tỉnh (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Văn phòng UBND tỉnh (để đăng tải);
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Hà Tĩnh;
- Các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ các xã, phường;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, PC&PBGDPL.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
SỞ TƯ PHÁP
TỈNH HÀ TĨNH

Trần Thị Kiều Oanh

VĂN BẢN ĐẾN ĐIỆN TỬ
Số 12123 Ngày 15/07/2026

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 52 /2026/QĐ-UBND	*Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội, tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội; tu bổ, phục hồi di tích trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 110/2018/NĐ-CP quy định về quản lý và tổ chức lễ hội; số 60/2021/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; số 95/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo; số 308/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa;

Căn cứ Thông tư số 04/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 206/TTr-SVHTTDL ngày 26 tháng 6 năm 2026 về việc đề nghị ban hành Quyết định Quy định về quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội, tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội; tu bổ, phục hồi di tích trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quyết định Quy định về quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội, tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội; tu bổ, phục hồi di tích trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội, tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội; tu bổ, phục hồi di tích trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành

cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục Di sản Văn hóa;
- Cục KTVB&TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Các sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài chính, Tư pháp; Nội vụ, Khoa học và Công nghệ;
- UBND các xã, phường;
- PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm TT&XTHTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, VX_3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Nguyễn Thị Nguyệt

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội, tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội; tu bổ, phục hồi di tích trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số……/2026/QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội; tu bổ, phục hồi di tích trên địa bàn tỉnh theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 13, điểm d khoản 2 Điều 14, khoản 1 Điều 16 và khoản 1 Điều 18 Thông tư số 04/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Các nội dung liên quan về quản lý thu, chi tài chính và việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội không được quy định tại Quy định này thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 04/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, đơn vị tổ chức lễ hội bao gồm: Lễ hội do cơ quan nhà nước tổ chức và lễ hội không phải do cơ quan nhà nước tổ chức.

2. Tổ chức, đơn vị là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý, sử dụng di tích bao gồm: Đơn vị sự nghiệp công lập và Ban quản lý di tích kiêm nhiệm.

3. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, thu chi tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội; tu bổ, phục hồi di tích trên địa bàn tỉnh.

Chương II
QUẢN LÝ, THU CHI TIỀN CÔNG ĐỨC, TÀI TRỢ CHO DI TÍCH VÀ HOẠT ĐỘNG LỄ HỘI

Điều 3. Các hình thức công đức, tài trợ cho di tích

1. Công đức, tài trợ bằng tiền (đồng Việt Nam, ngoại tệ) được thực hiện bằng việc bỏ vào hòm công đức hoặc chuyển khoản vào tài khoản hợp pháp của tổ chức, đơn vị quản lý di tích và Ban tổ chức lễ hội.

2. Công đức, tài trợ bằng hiện vật và các hình thức hỗ trợ khác bao gồm: Cơ sở vật chất, ngày công lao động, hỗ trợ kỹ thuật chuyên môn hoặc các hình thức hợp pháp khác nhằm phục vụ công tác quản lý, bảo vệ, tu bổ, phục hồi di tích và

hoạt động lễ hội.

3. Khuyến khích các tổ chức, đơn vị quản lý di tích áp dụng các hình thức tiếp nhận công đức, tài trợ không dùng tiền mặt qua thanh toán điện tử, mã QR hoặc các nền tảng thanh toán hợp pháp khác nhằm tăng tính minh bạch, thuận tiện cho tổ chức, cá nhân đóng góp công đức.

Điều 4. Tiếp nhận công đức, tài trợ

1. Tổ chức, đơn vị quản lý di tích mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước hoặc Ngân hàng thương mại để quản lý, theo dõi, phản ánh việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội theo hình thức chuyển khoản và phương thức thanh toán hợp pháp khác. Nghiêm cấm việc sử dụng tài khoản cá nhân để tiếp nhận, quản lý tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội dưới mọi hình thức.

2. Tổ chức, đơn vị quản lý di tích thực hiện việc tiếp nhận tiền mặt, giấy tờ có giá, kim khí quý, đá quý, tài sản, hiện vật, công trình và các hoạt động liên quan khác như sau:

a) Tiếp nhận tiền mặt

Cử người được phân công tiếp nhận tiền mặt, lập phiếu công đức, ghi sổ theo dõi và hướng dẫn bỏ tiền vào hòm công đức đúng quy định.

Tiền trong hòm công đức được mở, kiểm đếm định kỳ theo quy định. Đối với tiền đặt không đúng nơi quy định (tiền đặt trên bàn thờ, tượng thờ, mâm lễ, trong khu vực thờ tự tại di tích) phải được thu gom bỏ vào hòm công đức, kiểm đếm và nhập vào nguồn tiền công đức của di tích.

b) Tiếp nhận giấy tờ có giá

Mở sổ ghi tên giấy tờ có giá, số tiền ghi trên giấy tờ có giá, tổ chức phát hành. Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý, sử dụng di tích chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng giấy tờ có giá, bao gồm thanh toán trước hạn hoặc thanh toán khi đến hạn, tùy theo yêu cầu quản lý và nguyện vọng của tổ chức, cá nhân hiến, tặng cho (nếu có).

c) Tiếp nhận công đức qua chuyển khoản: Tổ chức, đơn vị quản lý di tích công khai số tài khoản tiền gửi mở tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng thương mại đã đăng ký để tiếp nhận công đức, tài trợ.

d) Tiếp nhận kim khí quý, đá quý

Mở sổ ghi tên kim khí quý, đá quý và giá trị tương ứng theo tài liệu do tổ chức, cá nhân hiến, tặng cho, cung cấp. Tổ chức, đơn vị quản lý di tích chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng kim khí quý, đá quý, bao gồm tổ chức bán đấu giá, bán cho ngân hàng thương mại hoặc đưa vào lưu giữ, trưng bày tại di tích, tùy theo yêu cầu quản lý và nguyện vọng của tổ chức, cá nhân hiến, tặng cho (nếu có).

Các khoản công đức, tài trợ có ghi rõ mục đích sử dụng hoặc địa chỉ sử dụng cụ thể phải được theo dõi riêng và sử dụng đúng mục đích theo nguyện vọng của tổ chức, cá nhân công đức, tài trợ và quy định của pháp luật.

Điều 5. Quy định về hòm công đức, phiếu ghi công đức

1. Hòm công đức

a) Đơn vị, tổ chức quản lý di tích căn cứ quy mô và điều kiện thực tế bố trí tại mỗi di tích không quá 03 hòm công đức. Nơi đặt hòm công đức phải thuận tiện cho việc tiếp nhận cung tiến công đức của các tổ chức, cá nhân.

b) Hòm công đức phải bảo đảm an toàn và sử dụng 02 loại khóa, 01 khóa giao cho đại diện đơn vị quản lý di tích, 01 khóa giao cho Trưởng Ban quản lý di tích hoặc giao cho Phó Trưởng ban nắm giữ.

c) Hòm công đức (bao gồm két sắt) phải được niêm phong và giấy niêm phong phải đánh số thứ tự, ngày, tháng, năm niêm phong và có chữ ký của bộ phận có liên quan. Đơn vị quản lý di tích quyết định lựa chọn thành phần ký giấy niêm phong trên cơ sở đảm bảo khách quan, minh bạch.

2. Phiếu ghi công đức

a) Phiếu ghi công đức là hình thức ghi nhận công đức do tổ chức, đơn vị quản lý di tích quy định mẫu phiếu và phát hành.

b) Phiếu công đức phải có số sê-ri, được tích hợp mã QR hoặc các hình thức số hóa khác, phiếu được đóng dấu của tổ chức, đơn vị quản lý di tích.

c) Tổ chức, đơn vị quản lý di tích có trách nhiệm quản lý, kiểm soát số lượng phiếu ghi công đức và cấp phát cho tổ chức, cá nhân tham gia công đức, tài trợ cho di tích.

3. Tổ giám sát

Tổ chức, đơn vị quản lý di tích thành lập Tổ giám sát để thực hiện các hoạt động liên quan đến quản lý, tiếp nhận, sử dụng tiền công đức tại di tích:

a) Đối với Ban quản lý di tích kiêm nhiệm, thành phần Tổ giám sát gồm: Đại diện Hội đồng nhân dân, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã nơi có di tích; phòng Kinh tế (Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị), phòng Văn hóa - Xã hội thuộc UBND cấp xã; Công an cấp xã nơi có di tích; đại diện Lãnh đạo Ban quản lý di tích.

b) Đối với Đơn vị sự nghiệp công lập, thành phần Tổ giám sát gồm: Lãnh đạo đơn vị; đại diện Phòng/Tổ chuyên môn, Tổ hành chính, kế toán, thủ quỹ thuộc đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Mở hòm công đức và kiểm đếm tiền công đức

Việc mở hòm công đức do tổ chức, đơn vị quản lý di tích thực hiện theo trình tự như sau:

a) Thời gian mở hòm công đức và kiểm đếm tiền công đức được thực hiện hàng ngày hoặc hàng tuần tùy thuộc vào nguồn thu thực tế của di tích. Việc mở hòm công đức phải có sự tham gia của ít nhất 2/3 thành viên Tổ giám sát.

b) Quá trình kiểm đếm phải được thực hiện công khai, minh bạch. Sau khi kiểm đếm hoàn thành, lập biên bản ghi rõ số tiền tiếp nhận, loại tiền tệ (nếu có

ngoại tệ), có chữ ký xác nhận của tất cả thành viên tham gia kiểm đếm và đóng dấu của tổ chức, đơn vị quản lý di tích. Biên bản kiểm đếm được lập thành ít nhất 02 bản: 01 bản lưu tại tổ chức, đơn vị quản lý di tích, 01 bản gửi cơ quan quản lý trực tiếp để theo dõi, tổng hợp.

c) Toàn bộ số tiền công đức sau khi kiểm đếm phải được nộp vào tài khoản tiền gửi của tổ chức, đơn vị đã mở tại Kho bạc Nhà nước hoặc Ngân hàng thương mại trong thời hạn không quá 48 giờ kể từ thời điểm kiểm đếm xong (không tính ngày nghỉ, lễ, Tết theo quy định của Nhà nước).

5. Khuyến khích lắp đặt hệ thống camera tại khu vực đặt hòm công đức và khu vực kiểm đếm tiền công đức để phục vụ công tác quản lý, giám sát, bảo đảm công khai, minh bạch.

6. Khuyến khích các tổ chức, đơn vị quản lý di tích ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phần mềm kế toán và các hình thức thanh toán điện tử phù hợp trong công tác tiếp nhận, quản lý, sử dụng và công khai tiền công đức, tài trợ theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ đối với di tích do đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, sử dụng

1. Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý di tích thực hiện tiếp nhận tiền công đức, tài trợ theo quy định tại Điều 4 của Quy định này.

2. Số tiền công đức, tài trợ đã tiếp nhận (trừ các khoản công đức, tài trợ có mục đích, địa chỉ cụ thể) được phân bổ và sử dụng như sau: trích theo tỷ lệ phần trăm (%) để chi hoạt động lễ hội (nếu có); trích theo tỷ lệ phần trăm (%) để chi hoạt động thường xuyên và chi các khoản đặc thù của đơn vị; trích theo tỷ lệ phần trăm (%) chuyển vào tài khoản riêng của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch mở tại Kho bạc Nhà nước để tạo nguồn tu bổ, phục hồi các di tích khác trên địa bàn tỉnh (không áp dụng đối với di tích có số thu tiền công đức, tài trợ thấp không đủ chi cho hoạt động lễ hội và chi thường xuyên).

Mức phân bổ cụ thể được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này. Trường hợp đến hết năm ngân sách, kinh phí theo từng nội dung chi chưa sử dụng hết được chuyển nguồn sang năm sau để tiếp tục sử dụng theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ đối với di tích do Ban quản lý di tích kiêm nhiệm quản lý, sử dụng

1. Ban quản lý di tích kiêm nhiệm có trách nhiệm tiếp nhận tiền công đức, tài trợ cho di tích theo quy định tại Điều 4 của Quy định này.

2. Số tiền công đức, tài trợ đã tiếp nhận (trừ các khoản công đức, tài trợ có mục đích, địa chỉ cụ thể) được phân bổ và sử dụng như sau: trích theo tỷ lệ phần trăm (%) để chi hoạt động lễ hội (nếu có); trích theo tỷ lệ phần trăm (%) để chi hoạt động thường xuyên và chi các khoản đặc thù của Ban quản lý di tích; trích theo tỷ lệ phần trăm (%) chuyển vào tài khoản riêng của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch mở tại Kho bạc Nhà nước để tạo nguồn tu bổ, phục hồi các di tích khác

trên địa bàn tỉnh (không áp dụng đối với di tích có số thu tiền công đức, tài trợ thấp không đủ chi cho hoạt động lễ hội và chi thường xuyên).

Mức phân bổ cụ thể được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này. Trường hợp đến hết năm ngân sách, kinh phí theo từng nội dung chi chưa sử dụng hết được chuyển nguồn sang năm sau để tiếp tục sử dụng theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Ban quản lý di tích kiêm nhiệm không được Ban tổ chức lễ hội giao quản lý, sử dụng kinh phí tổ chức lễ hội thì chuyển số tiền này vào tài khoản của đơn vị được Ban tổ chức lễ hội giao quản lý, sử dụng kinh phí tổ chức lễ hội theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 04/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Chương III
QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG KINH PHÍ TU BỔ, PHỤC HỒI DI TÍCH

Điều 8. Trích nộp kinh phí

1. Thời hạn chuyển kinh phí: Hàng năm, Đơn vị sự nghiệp công lập, Ban quản lý di tích kiêm nhiệm thực hiện trích nộp kinh phí (nếu có) phần trăm (%) theo tỷ lệ quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này để tạo nguồn tu bổ, phục hồi các di tích khác trên địa bàn tỉnh.

Thời gian nộp: Trước ngày 31 tháng 01 hàng năm, đơn vị sự nghiệp công lập và Ban quản lý di tích kiêm nhiệm thực hiện trích nộp kinh phí (nếu có) phần trăm (%) từ nguồn thu công đức, tài trợ của năm trước.

2. Phương thức nộp: Theo hình thức chuyển khoản hoặc thanh toán điện tử vào tài khoản của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch mở tại Kho bạc Nhà nước.

3. Trách nhiệm chuyển kinh phí: Các đơn vị được giao quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc xác định số trích nộp trong năm.

Điều 9. Phân bổ kinh phí hỗ trợ tu bổ, phục hồi di tích

1. Phân bổ kinh phí

a) Phân bổ 50 % kinh phí do Ban quản lý di tích đền Chợ Củi trích nộp để hỗ trợ tu bổ, phục hồi các di tích bị xuống cấp trên địa bàn huyện Nghi Xuân cũ;

b) Phân bổ 50 % kinh phí do Ban quản lý di tích đền thờ Nguyễn Thị Bích Châu trích nộp để hỗ trợ tu bổ, phục hồi các di tích bị xuống cấp trên địa bàn thị xã Kỳ Anh cũ;

c) Số kinh phí còn lại do Ban quản lý di tích đền Chợ Củi và Ban quản lý di tích đền thờ Nguyễn Thị Bích Châu trích nộp được sử dụng để phân bổ cho các di tích khác trên địa bàn tỉnh theo tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Tiêu chí lựa chọn di tích để phân bổ kinh phí

a) Di tích bị xuống cấp rất nghiêm trọng, có nguy cơ sụp đổ cần được hỗ trợ

kinh phí kịp thời để thực hiện các biện pháp tu bổ cấp thiết; tu bổ, phục hồi chống xuống cấp nhằm bảo vệ, ngăn chặn nguy cơ di tích trở thành phế tích.

b) Di tích thuộc các loại hình sau: di tích kiến trúc, nghệ thuật; di tích khảo cổ; di tích lịch sử, đang bị xuống cấp nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tính toàn vẹn và yếu tố gốc cấu thành di tích.

c) Di tích được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xếp hạng các cấp theo thứ tự quốc gia đặc biệt, quốc gia và cấp tỉnh.

d) Di tích có dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt để triển khai nhưng đang gặp hạn chế về kinh phí.

3. Quy trình phân bổ kinh phí

a) Hàng năm, trước ngày 31 tháng 3, UBND cấp xã và các tổ chức, đơn vị quản lý di tích tổ chức rà soát các di tích bị xuống cấp (di tích đã có văn bản xác nhận tình trạng xuống cấp của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di tích quốc gia đặc biệt và di tích quốc gia; của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di tích cấp tỉnh để lập dự án tu bổ, phục hồi di tích), lập danh mục đề xuất phân bổ kinh phí gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, tham mưu.

b) Căn cứ danh mục đề xuất, tiêu chí lựa chọn di tích và nguồn kinh phí, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh quyết định phương án phân bổ kinh phí tu bổ, chống xuống cấp cho từng di tích theo quy định.

4. Thanh toán và quyết toán kinh phí

Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng kinh phí tu bổ, phục hồi di tích có trách nhiệm:

a) Thực hiện hạch toán kế toán theo chế độ kế toán hiện hành của Nhà nước;

b) Tổ chức thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan;

c) Kết thúc năm tài chính, lập và gửi báo cáo kế toán, quyết toán kinh phí đúng thời hạn và theo mẫu quy định;

d) Quản lý thu, chi tài chính và thực hiện đối chiếu tài khoản định kỳ theo quy định. Số dư kinh phí chưa sử dụng hết cuối năm (nếu có) được chuyển nguồn sang năm sau để tiếp tục thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 10. Kiểm tra, giám sát đối với hoạt động tu bổ, phục hồi di tích

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên đối với hoạt động tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tài trợ tại các di tích thuộc phạm vi quản lý; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm theo quy định.

3. Các tổ chức, đơn vị quản lý di tích có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của thông tin, số liệu đã cung cấp.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để tiếp nhận, quản lý nguồn kinh phí tu bổ, phục hồi di tích; tổ chức theo dõi, hạch toán, quản lý và sử dụng nguồn kinh phí bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định. Hồ sơ, chứng từ, sổ sách kế toán, biên bản kiểm đếm và các tài liệu liên quan đến việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tài trợ phải được lưu trữ theo quy định của pháp luật về kế toán và lưu trữ.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn các tổ chức, đơn vị thực hiện việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội. Lập dự toán, chấp hành dự toán, hạch toán kế toán và quyết toán thu, chi tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội theo quy định của chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và pháp luật hiện hành.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và kiến nghị xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc lập dự toán, chấp hành dự toán, hạch toán kế toán, thanh toán, quyết toán và quản lý thu, chi tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội tại Quy định này theo đúng quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội theo đúng quy định của pháp luật.

3. Sở Nội vụ: phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy định này tại các di tích tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật.

4. Công an tỉnh: chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan bảo đảm an ninh, trật tự; phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội trên địa bàn tỉnh.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: trong phạm vi chức

năng, nhiệm vụ, tăng cường giám sát, tuyên truyền, vận động đơn vị trực thuộc và các tổ chức, cá nhân thực hiện đúng các quy định về quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tổ chức triển khai thực hiện Quy định này trong phạm vi địa bàn được phân công quản lý; đồng thời chỉ đạo, hướng dẫn Ban quản lý di tích, các tổ chức, cá nhân có liên quan chấp hành đúng các quy định hiện hành; thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

b) Tổ chức rà soát di tích xuống cấp cần tu bổ, phục hồi; lập danh mục đề xuất gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp, xem xét.

c) Tiếp nhận, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến quản lý thu, chi công đức tại các di tích; kiểm tra, giám sát, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm tại các di tích theo quy định của pháp luật.

d) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

7. Các đơn vị, tổ chức quản lý di tích

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập

Chịu trách nhiệm xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị theo đúng quy định hiện hành.

Mở tài khoản, sổ theo dõi, thực hiện hạch toán kế toán việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội. Thực hiện đầy đủ việc tiếp nhận, quản lý, thu, chi tiền công đức, tài trợ tại di tích theo quy định.

Thực hiện trích nộp phần trăm (%) kinh phí theo quy định (nếu có) tại Phụ lục về tài khoản của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đúng thời hạn quy định; bảo đảm việc hạch toán, quyết toán, công khai, minh bạch theo quy định.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ báo cáo theo quy định; đồng thời cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu có liên quan theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ứng dụng phần mềm quản lý nghiệp vụ kế toán để thực hiện hạch toán kế toán đối với việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội.

b) Đối với Ban quản lý di tích kiêm nhiệm

Ban quản lý di tích kiêm nhiệm có trách nhiệm phân công cho một đơn vị có đại diện là thành viên Ban quản lý di tích để thực hiện các nhiệm vụ sau:

Mở tài khoản, sổ theo dõi, thực hiện hạch toán kế toán việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội. Thực hiện trích nộp phần trăm (%) kinh phí theo quy định (nếu có) tại Phụ lục về tài khoản của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo đúng thời hạn quy định; bảo đảm việc hạch toán, quyết toán, công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật hiện hành.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ báo cáo theo quy định; đồng thời cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu có liên quan theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Ứng dụng phần mềm quản lý nghiệp vụ kế toán để thực hiện hạch toán kế toán đối với việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội.

c) Người đứng đầu tổ chức, đơn vị quản lý di tích chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định tại Quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Công khai tiếp nhận công đức và chế độ báo cáo

1. Công khai việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ

a) Tổ chức, đơn vị quản lý di tích có trách nhiệm thực hiện công khai việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tài trợ theo quy định của pháp luật.

b) Nội dung công khai bao gồm: tổng số tiền công đức, tài trợ đã tiếp nhận; các khoản chi; số dư còn lại; các nội dung sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội.

c) Hình thức công khai được thực hiện như sau: niêm yết tại di tích, thông báo trên Cổng Thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị quản lý hoặc các hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Chế độ báo cáo

a) Định kỳ hàng năm, trước ngày 31 tháng 01, các tổ chức, đơn vị quản lý di tích có trách nhiệm báo cáo tình hình tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tài trợ về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan theo quy định.

b) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản tổng hợp tình hình thu, chi nguồn kinh phí này; hướng dẫn nội dung, biểu mẫu và thời hạn thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về tình hình quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích theo quy định của pháp luật.

3. Điều khoản chuyển tiếp

Các khoản tiền công đức, tài trợ, tài khoản tiếp nhận, sổ sách, chứng từ và các nội dung liên quan đang được quản lý trước thời điểm Quy định này có hiệu lực được tiếp tục theo dõi, quản lý và thực hiện theo Quy định này./.

Phụ lục
MỨC PHÂN BỔ TIỀN CÔNG ĐỨC, TÀI TRỢ ĐÃ TIẾP NHẬN
DO CÁC TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ QUẢN LÝ DI TÍCH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG[1]
(Ban hành kèm theo Quyết định số……/2026/QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

TT	Tên tổ chức, đơn vị	Loại hình đơn vị	Mức trích (%)		
			Trích nộp tạo nguồn tu bổ, phục hồi di tích khác	Chi hoạt động lễ hội	Chi hoạt động thường xuyên và chi các khoản đặc thù[2]
1	Bảo tàng Hà Tĩnh[3]	Đơn vị sự nghiệp công lập	0	0	100
2	Ban quản lý Khu di tích Ngã ba Đồng Lộc và Khu tưởng niệm Lý Tự Trọng, xã Đồng Lộc	Đơn vị sự nghiệp công lập	10	0	90
3	Ban quản lý di tích đền thờ Nguyễn Thị Bích Châu, phường Hải Ninh	Ban quản lý kiêm nhiệm	20	10	70
4	Ban quản lý di tích đền Chợ Củi, xã Nghi Xuân	Ban quản lý kiêm nhiệm	20	10	70
5	Ban quản lý di tích Mộ Lê Hữu Trác, xã Hương Sơn; Ban quản lý di tích Khu lưu niệm Lê Hữu Trác, xã Sơn Giang	Ban quản lý kiêm nhiệm	0	55	45
6	Ban quản lý di tích Mộ và Đền thờ Lê Khôi, xã Thạch Khê	Ban quản lý kiêm nhiệm	0	55	45

[1] Căn cứ để tính tỷ lệ phân bổ đối với các Ban quản lý di tích theo Báo cáo quản lý tiền công đức, tài trợ tại các di tích lịch sử - văn hóa của UBND tỉnh Hà Tĩnh gửi Bộ Tài chính tại Văn bản số 1840/UBND-VX ngày 04/4/2024 và Báo cáo thu chi công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội của các Ban quản lý di tích trong 3 năm 2023-2025.

[2] Đối với mức trích cụ thể theo tỷ lệ phần trăm (%) để chi hoạt động thường xuyên, giao đơn vị căn cứ mức chi của năm trước liền kề, kế hoạch của năm tiếp theo, lấy ý kiến của cơ quan quản lý cấp trên hoặc UBND cấp xã để ra quyết định phù hợp.

[3] Theo Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 14/5/2026 của UBND tỉnh về việc tổ chức lại Bảo tàng Hà Tĩnh trên cơ sở sáp nhập Ban Quản lý di tích Nguyễn Du, Ban Quản lý di tích Trần Phú và Ban Quản lý di tích Cố Tổng Bí thư Hà Huy Tập vào Bảo tàng Hà Tĩnh.